

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

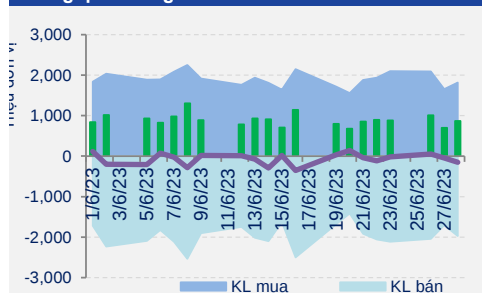
28/6/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

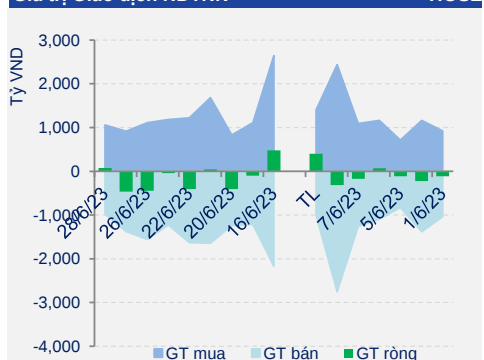
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,138.35	230.25
% Thay đổi	↑ 0.35%	↓ -0.25%
KLGD (CP)	870,473,076	100,192,056
GTGD (tỷ đồng)	17,909.97	1,714.50
Tổng cung (CP)	1,971,376,511	211,755,600
Tổng cầu (CP)	1,817,227,982	121,508,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	33,471,907	264,773
KL mua (CP)	37,283,500	3,284,021
GT mua (tỷ đồng)	1,058.77	47.55
GT bán (tỷ đồng)	982.39	6.66
GT ròng (tỷ đồng)	76.37	40.90

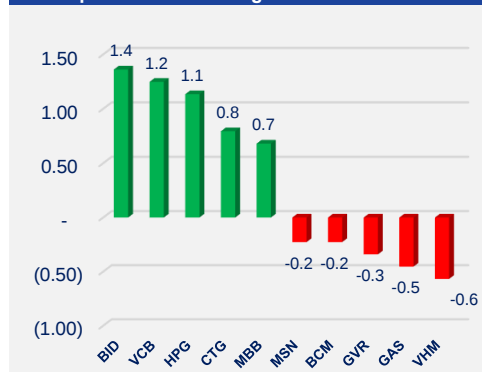
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục có diễn biến rung lắc mạnh khi đầu phiên tăng lên vùng 1.140 điểm, sau đó chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng 1.130 điểm và phục hồi tăng điểm dưới ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Kết phiên VN-INDEX tăng tốt hơn 4,02 điểm (+0,35%) lên mức 1.138,35 điểm. HNX-INDEX tiếp tục kém tích cực khi giảm 0,57 điểm (-0,25%) về mức 230,25 điểm. Độ rộng thị trường tiêu cực thể hiện áp lực bán ở nhiều mã với tổng cộng 339 mã giảm giá (11 mã giảm sàn), 269 mã tăng giá (15 mã tăng trần), và 114 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 19.619,26 tỷ đồng, tăng 22,45% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình. Tuy nhiên mức độ phân hóa trên thị trường mạnh với áp lực bán, điều chỉnh ở nhóm vốn hóa nhỏ, trung bình, dịch chuyển sang nhóm vốn hóa lớn. Nhà đầu tư nước ngoài sau nhiều phiên bán ròng mạnh, mua ròng nhẹ trở lại với giá trị 76,37 tỷ đồng trên HOSE, mua ròng trên HNX với giá trị 40,90 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng là động lực hỗ trợ thị trường tăng điểm trong phiên hôm nay với đa số mã tăng giá tích cực, thanh khoản cải thiện tốt như MBB (+2,99%), BID (+2,37%), CTG (+2,21%), SHB (+1,18%), MSB (+1,17%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu thép với HPG (+3,10%) tăng giá tích cực dưới ảnh hưởng mua ròng mạnh của nhà đầu tư nước ngoài, cũng như dòng tiền gia tăng vào nhóm cổ phiếu đầu ngành thì đa số các mã còn lại phản ánh thị trường chung khi chịu áp lực điều chỉnh như VGS (-2,14%), TLH (-1,07%), HSG (-0,59%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến tương tự với NVL (+4,00%), trong khi đa số các mã khác sau khi tăng tốt trong đầu phiên đều chịu áp lực điều chỉnh, giảm điểm cuối phiên như DRH (-2,84%), CII (-2,65%), NTL (-2,22%), DIG (-1,97%), TDC (-1,08%)..

Các cổ phiếu đầu tư công, xây dựng, vật liệu xây dựng đa số điều chỉnh áp lực điều chỉnh với thanh khoản dưới mức trung bình như CTI (-2,32%), BCC (-2,08%), LCG (-1,82%), VCG (-1,39%)... ngoài các mã tăng giá tốt như C47 (+6,97%), HBC (-6,77%), C69 (+1,05%),

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng phân hóa, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản ở mức trung bình như SHS (-1,46%), CTS (-1,35%), BSI (-1,03%), AGR (-1,01%)... ngoài các mã tăng giá TVS (+1,68%), VCI (+1,20%), HCM (+0,87%)...

Trong khi đó các cổ phiếu thủy sản, nông nghiệp lại có diễn biến khá tích cực từ đầu phiên, tăng điểm với thanh khoản gia tăng mạnh như ANV (+3,09%), ACL (+1,89%), IDI (+1,49%), BAF (+1,30%), DBC (+1,86%)... và các mã phân bón cũng có diễn biến tích cực với BFC (+6,98%), DDV (+4,95%), DPM (+1,42%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng 7,2 điểm (+0,64%) mức chênh lệch thu hẹp còn -8,72 điểm so với VN30 với khối lượng mở OI trong xu hướng giảm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 thu hẹp chênh lệch còn từ -16,02 điểm đến -22,12 điểm so với VN30. Cho thấy các trader đang lạc quan đối với chỉ số VN30, gia tăng các vị thế mua ở VN30 và giảm dần các vị thế phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 ở khung thời gian lớn hơn, dần lạc quan hơn về xu hướng trung hạn của VN30 khi chênh lệch giữa kỳ hạn VN30F2009 thu hẹp so với VN30F2308.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



VN-INDEX có phiên thứ 7 liên tiếp tăng điểm, chốt phiên VN-INDEX đóng cửa ở 1.138,35 điểm. Đà tăng của thị trường có xu hướng chững lại khi VnIndex gần tiệm cận ngưỡng kháng cự mạnh 1.150 điểm. Mặc dù thị trường đang vận động tốt dựa trên nền tảng tích lũy trung hạn tin cậy nhưng vùng quanh 1.1150 điểm là kháng cự rất mạnh và chúng tôi cho rằng giai đoạn tới thị trường sẽ đối diện với các phiên rung lắc liên tục.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục tăng điểm tích cực; phiên hôm nay VnIndex tăng tốt hơn +4,02 điểm (+0,35%), đóng cửa ở 1.138,35 điểm. VnIndex duy trì tích cực để hướng tới khu vực kháng cự quanh 1.150 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường vẫn còn động lực tăng nhưng sẽ đối diện với nhiều biến động khó lường trong khu vực nhạy cảm sắp tới, thị trường cần tạo nền trước khi tích lũy đủ lực để vượt cản 1.150 điểm.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường đã tích lũy rất tốt trong 6 tháng trước đây với mô hình tích lũy tin cậy. Sau những giai đoạn phục hồi ngắn hạn liên tiếp, hiện tại Vnindex đang ở vùng kháng cự mạnh quanh 1.150 điểm. Nếu VnIndex vượt qua ngưỡng kháng cự này sẽ hình thành xu hướng tăng trung hạn. Nhưng chúng tôi cho rằng thị trường sẽ cần nhiều thời gian hơn để tích lũy trước khi vượt kháng cự, đồng thời để có thể hình thành uptrend cần thêm hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô tích cực. Với nền tảng hình thành sóng rất tốt trong thời gian qua có thể kỳ vọng thị trường có cơ sở hình thành xu hướng tăng trung hạn.

Về vĩ mô, trạng thái nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn trầm lắng, khó dự báo đặc biệt đối với thị trường BDS và thị trường xuất khẩu (do kinh tế thế giới đang tăng trưởng thấp nên đơn hàng không nhiều). Tuy nhiên lãi suất đang có xu hướng giảm và ổn định giúp dòng tiền trong thị trường trở nên bình ổn hơn. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường, vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp. Điểm tích cực là nhiều tổ chức tài chính lớn đang nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu dù tốc độ tăng trưởng vẫn không cao.. Tổng thể nhìn chung tâm lý giới đầu tư đang dần ổn định hơn, dần có niềm tin kinh tế sẽ dần ổn định lại. Với kỳ vọng thị trường có khả năng hình thành xu hướng tăng trung hạn do vận động của thị trường luôn đi trước diễn biến thực sự của nền kinh tế.

Ngắn hạn thị trường vẫn tích cực và đang trong kháng cự mạnh. Các nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn hiện tại không nên mua đuổi, thận trọng đánh giá danh mục khi thị trường gặp kháng cự rất mạnh. Với nhà đầu tư trung, dài hạn có thể tiếp tục nắm giữ, trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nên xem xét mua vào ở các nhịp điều chỉnh. Nên ưu tiên ở các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy tốt, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/6/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
GVR	19.30	17-18	22-23	16	23.3	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.50	12.5-13.2	15-15.5	12	16.9	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	52.70	49.5-51.6	62-64	46	17.2	2.5%	-26.1%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	35.25	31-32.5	40-42	29	16.7	-1.3%	-68.0%	Theo dõi chờ giải ngân
BMI	24.50	24.5-25.6	29-30	23	9.1	19.4%	3.3%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	36.70	34-36	42-43	32	8.4	-5.3%	-55.3%	Theo dõi chờ giải ngân
POW	13.80	13.5-13.9	16.5-17	13	18.9	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	35.10	26.4	34-36	34	32.95%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	24.80	18	24-26	23.5	37.78%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	48.90	40	52-54	47	22.25%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	32.70	25.1	33-34	30.5	30.28%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.60	12.75	18-18.5	13.4	14.51%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	58.80	54.8	65-67	58	7.30%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	29.60	28.05	34-35	28	5.53%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	52.70	51	62-64	50	3.33%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Số công ty vỡ nợ tăng gấp đôi cùng kỳ, làn sóng phá sản vì lãi suất cao dâng lên ở Mỹ

Theo số liệu của S&P Global Market Intelligence, từ đầu năm đến hết ngày 22/6, đã có 324 doanh nghiệp Mỹ nộp đơn phá sản, gần bằng mức 374 của cả năm 2022. Trong đó riêng 4 tháng đầu năm ghi nhận 230 vụ, mức cao nhất kể từ 2010. Các chuyên gia phân tích nhận định lãi suất tăng chính là nguyên nhân lớn nhất khiến các doanh nghiệp đối mặt căng thẳng tài chính. Các công ty cần thêm thanh khoản hay đang có gánh nặng nợ và cần phải đảo nợ đều phải đối mặt với lãi suất cao.

Liên minh châu Âu đạt thỏa thuận siết chặt quy định quản lý ngân hàng

Ngày 27/6, Liên minh châu Âu (EU) đã đạt được một thỏa thuận về việc thực hiện các biện pháp cải cách ngân hàng theo chuẩn quốc tế để tránh lặp lại cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Dự luật bao gồm các điều khoản quy định các ngân hàng phải có đủ vốn và thanh khoản. Dự luật cũng yêu cầu các ngân hàng báo cáo về tài sản kỹ thuật số, trong đó có tiền kỹ thuật số như bitcoin và ethereum, cũng như các hoạt động có thể gây rủi ro đến tăng trưởng bền vững như tài trợ cho các dự án nhiên liệu hóa thạch. Các quy tắc sẽ được áp dụng từ ngày 1/1/2025, chậm 2 năm so với thời hạn 2023 đưa ra trước đó.

TIN DOANH NGHIỆP
HFIC lãi gần 4.5 ngàn tỷ năm 2022

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC) công bố tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và lợi nhuận so với thực hiện năm trước. Cụ thể, năm 2022, HFIC ghi nhận doanh thu gần 11.2 ngàn tỷ đồng, tăng 54% so với thực hiện năm 2021. Khấu trừ cho giá vốn, lợi nhuận gộp đạt 2.39 ngàn tỷ đồng, tăng trưởng 57%.

ĐHĐCĐ Phân bón và Hoá chất Dầu khí (DPM): Mục tiêu lợi nhuận đạt 2.250 tỷ đồng, trả cổ tức 40%

Ngày 27/6, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo - mã DPM) đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và thông qua kế hoạch lợi nhuận đạt 2.250 tỷ đồng, giảm 60%. Trong quý I/2023, DPM đã đạt được 3.264,6 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế đạt 262 tỷ đồng. Như vậy, hết quý I, DPM đã đạt gần 19% kế hoạch doanh thu và gần 11,6% kế hoạch lợi nhuận năm.

Viglacera (VGC) góp 306 tỷ đồng thành lập công ty con tại Thái Nguyên

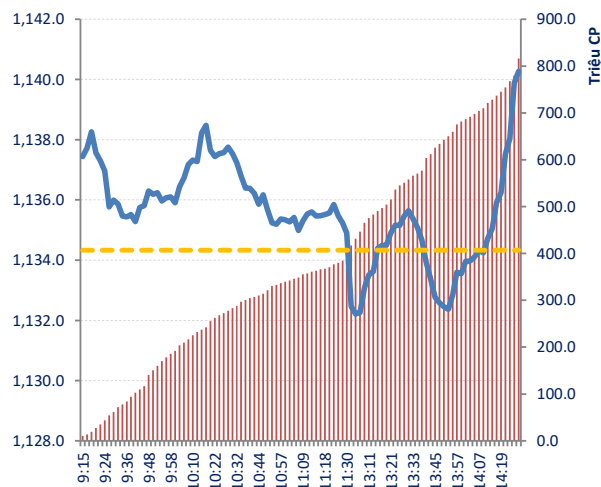
Ngày 27/6, Tổng công ty Viglacera (mã chứng khoán VGC) vừa có thông báo Nghị quyết HĐQT phê duyệt thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên. Cụ thể, vốn điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên là 600 tỷ đồng. Tổng công ty Viglacera là cổ đông sáng lập, tỷ lệ sở hữu 51% tổng số vốn điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Thái Nguyên, tương ứng 306 tỷ đồng.

HDG chốt quyền trả cổ tức tỷ lệ 25% bằng cổ phiếu

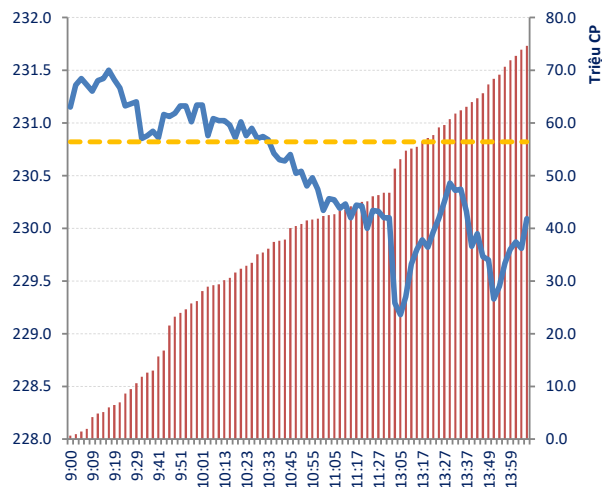
CTCP Tập đoàn Hà Đô (HOSE: HDG) thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 04/07/2023. Với tỷ lệ thực hiện 100:25, tức 25% (cổ đông sở hữu 100 cp nhận 25 cp mới), HDG sẽ phát hành thêm 61.2 triệu cp để trả cổ tức. Dự kiến sau khi hoàn tất phát hành, vốn điều lệ của HDG sẽ tăng từ hơn 2,446 tỷ đồng lên gần 3,058 tỷ đồng.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

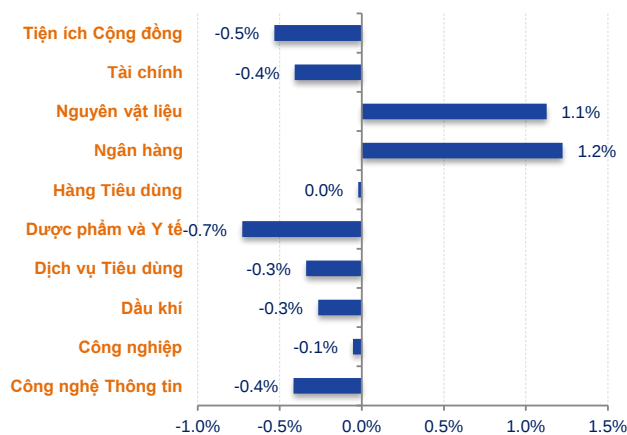
KLGD và VN-Index trong phiên



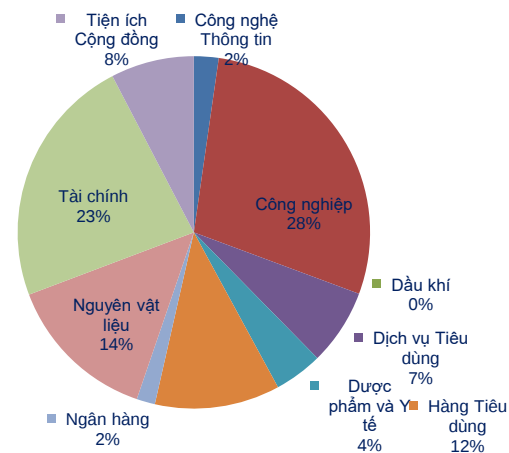
KLGD và HNX-Index trong phiên



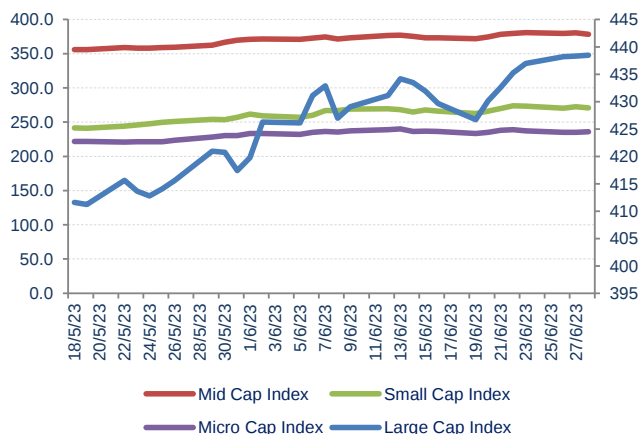
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



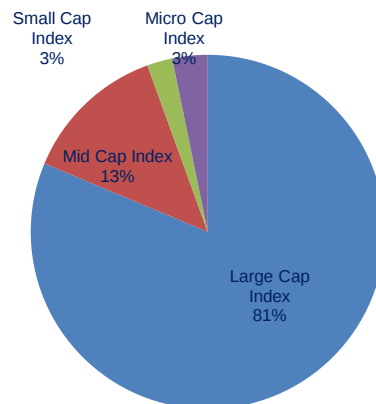
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	9,214,400	STB	2,396,600
2	SHB	871,200	KBC	1,341,100
3	DBC	509,600	NLG	1,199,700
4	CTG	423,600	TPB	991,900
5	NVL	325,700	VRE	767,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	3,018,400	PVS	59,100
2	TNG	113,700	NVB	50,007
3	VCS	42,197	BVS	40,000
4	IDC	13,190	PV2	12,400
5	PVI	10,300	INN	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	15.00	15.60	↑ 4.00%	73,985,100
HPG	25.80	26.60	↑ 3.10%	32,468,901
VND	19.65	19.55	↓ -0.51%	28,926,500
DIG	22.85	22.40	↓ -1.97%	26,755,274
MBB	20.10	20.70	↑ 2.99%	22,470,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	13.70	13.50	↓ -1.46%	22,813,868
HUT	19.70	19.50	↓ -1.02%	8,427,615
PVS	32.80	32.70	↓ -0.30%	6,585,319
VIF	14.10	15.50	↑ 9.93%	5,033,600
CEO	25.70	25.70	→ 0.00%	4,347,803

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	30.00	32.10	2.10	↑ 7.00%
BFC	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%
C47	7.60	8.13	0.53	↑ 6.97%
LAF	13.00	13.90	0.90	↑ 6.92%
VNL	21.80	23.30	1.50	↑ 6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L40	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
HJS	35.00	38.50	3.50	↑ 10.00%
VIF	14.10	15.50	1.40	↑ 9.93%
GKM	39.80	43.70	3.90	↑ 9.80%
VIT	15.50	17.00	1.50	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	52.90	49.20	-3.70	↓ -6.99%
PTL	4.80	4.47	-0.33	↓ -6.88%
HRC	54.70	51.00	-3.70	↓ -6.76%
EVG	6.62	6.27	-0.35	↓ -5.29%
TDP	32.20	30.60	-1.60	↓ -4.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KST	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
BST	18.10	16.30	-1.80	↓ -9.94%
VMS	24.50	22.10	-2.40	↓ -9.80%
THB	13.30	12.00	-1.30	↓ -9.77%
BDB	15.40	13.90	-1.50	↓ -9.74%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	73,985,100	1.8%	414	36.2	0.7
HPG	32,468,901	0.7%	114	225.9	1.6
VND	28,926,500	4.1%	487	40.4	1.6
DIG	26,755,274	2.2%	276	82.9	1.8
MBB	22,470,400	23.1%	3,961	5.1	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	22,813,868	2.1%	224	61.1	1.2
HUT	8,427,615	1.3%	146	135.0	1.8
PVS	6,585,319	5.6%	1,498	21.9	1.2
VIF	5,033,600	9.1%	1,303	10.8	1.0
CEO	4,347,803	7.5%	1,057	24.3	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
COM	↑ 7.0%	0.4%	115	260.3	1.0
BFC	↑ 7.0%	4.1%	957	18.0	0.8
C47	↑ 7.0%	2.9%	364	20.9	0.6
LAF	↑ 6.9%	13.3%	1,635	8.0	1.0
VNL	↑ 6.9%	17.0%	4,442	4.9	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L40	↑ 10.0%	-1.0%	(179)	-	1.1
HJS	↑ 10.0%	16.4%	2,504	14.0	2.2
VIF	↑ 9.9%	9.1%	1,303	10.8	1.0
GKM	↑ 9.8%	4.8%	597	66.7	3.2
VIT	↑ 9.7%	8.6%	1,054	14.7	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	9,214,400	0.7%	114	225.9	1.6
SHB	871,200	18.7%	2,610	4.9	0.9
DBC	509,600	-3.8%	(741)	-	1.2
CTG	423,600	15.9%	3,548	8.3	1.2
NVL	325,700	1.8%	414	36.2	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	3,018,400	2.1%	224	61.1	1.2
TNG	113,700	17.8%	2,666	7.4	1.4
VCS	42,197	19.3%	6,049	10.1	1.9
IDC	13,190	34.3%	6,675	6.6	2.3
PVI	10,300	0.5%	170	287.9	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	473,252	23.2%	6,533	15.3	3.3
VHM	243,409	24.9%	8,269	6.8	1.5
BID	224,093	19.7%	3,972	11.2	2.0
VIC	199,850	5.1%	1,800	29.1	1.5
GAS	184,313	24.1%	7,689	12.5	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,677	5.6%	1,498	21.9	1.2
IDC	14,487	34.3%	6,675	6.6	2.3
THD	13,860	4.0%	672	58.9	2.3
KSF	11,850	4.9%	1,094	36.1	1.7
BAB	11,751	9.6%	1,139	12.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.22	0.3%	49	191.5	0.6
DRH	3.38	-0.4%	(48)	-	0.5
TTB	2.96	0.3%	27	100.6	0.3
LDG	2.57	-2.1%	(267)	-	0.4
TGG	2.55	-15.6%	(2,111)	-	0.3

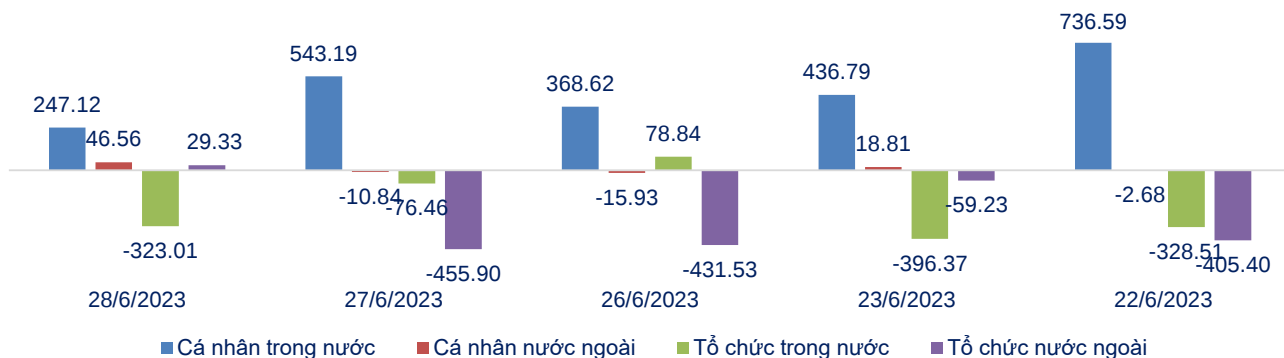
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FID	3.46	0.0%	1	4,323.2	0.3
API	3.38	8.2%	921	11.2	0.9
KSQ	3.25	-20.9%	(2,031)	-	0.3
VC7	3.23	2.4%	262	69.0	1.7
AAV	3.02	-0.2%	(27)	-	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	131.70	2.2%	276	82.9	1.8
PET	101.30	4.9%	1,008	28.3	1.4
STB	95.69	14.9%	3,006	9.8	1.4
NVL	57.02	1.8%	414	36.2	0.7
VNM	47.16	23.5%	3,881	18.2	4.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-229.44	0.7%	114	225.9	1.6
IJC	-35.16	11.8%	1,785	8.9	1.0
KBC	-33.52	11.2%	2,620	11.6	1.2
VGC	-32.50	13.6%	2,761	15.6	2.1
GEX	-25.63	0.1%	23	877.8	0.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEKIVFS	45.50	N/A	N/A	N/A	N/A
BID	7.54	19.7%	3,972	11.2	2.0
HPG	3.51	0.7%	114	225.9	1.6
CTR	3.40	29.8%	4,053	18.0	4.8
DXG	1.29	-1.5%	(355)	-	0.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-9.34	22.2%	5,057	17.3	3.6
NVL	-3.13	1.8%	414	36.2	0.7
SSI	-1.98	6.9%	1,035	25.7	1.7
VGC	-1.55	13.6%	2,761	15.6	2.1
NKG	-1.04	-11.1%	(2,366)	-	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	73.56	11.2%	2,620	11.6	1.2
IJC	32.66	11.8%	1,785	8.9	1.0
VGC	30.40	13.6%	2,761	15.6	2.1
GEX	24.37	0.1%	23	877.8	0.8
HCM	23.17	8.7%	1,517	19.0	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-133.64	2.2%	276	82.9	1.8
PET	-101.30	4.9%	1,008	28.3	1.4
NVL	-62.03	1.8%	414	36.2	0.7
VNM	-56.08	23.5%	3,881	18.2	4.3
MBB	-35.28	23.1%	3,961	5.1	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	238.25	0.7%	114	225.9	1.6
VHM	17.97	24.9%	8,269	6.8	1.5
DGW	13.86	23.9%	3,361	12.6	2.8
CTG	13.47	15.9%	3,548	8.3	1.2
FRT	12.54	11.2%	1,620	42.3	4.6

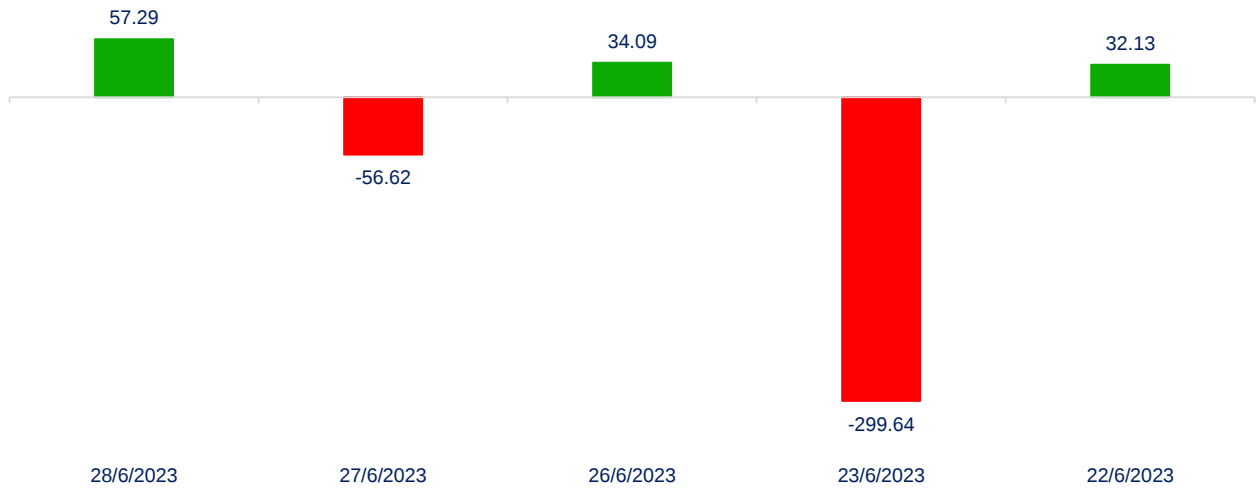
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-72.00	14.9%	3,006	9.8	1.4
FUEKIVFS	-44.47	N/A	N/A	N/A	N/A
KBC	-40.80	11.2%	2,620	11.6	1.2
NLG	-40.35	4.3%	1,467	23.1	1.0
BID	-39.23	19.7%	3,972	11.2	2.0

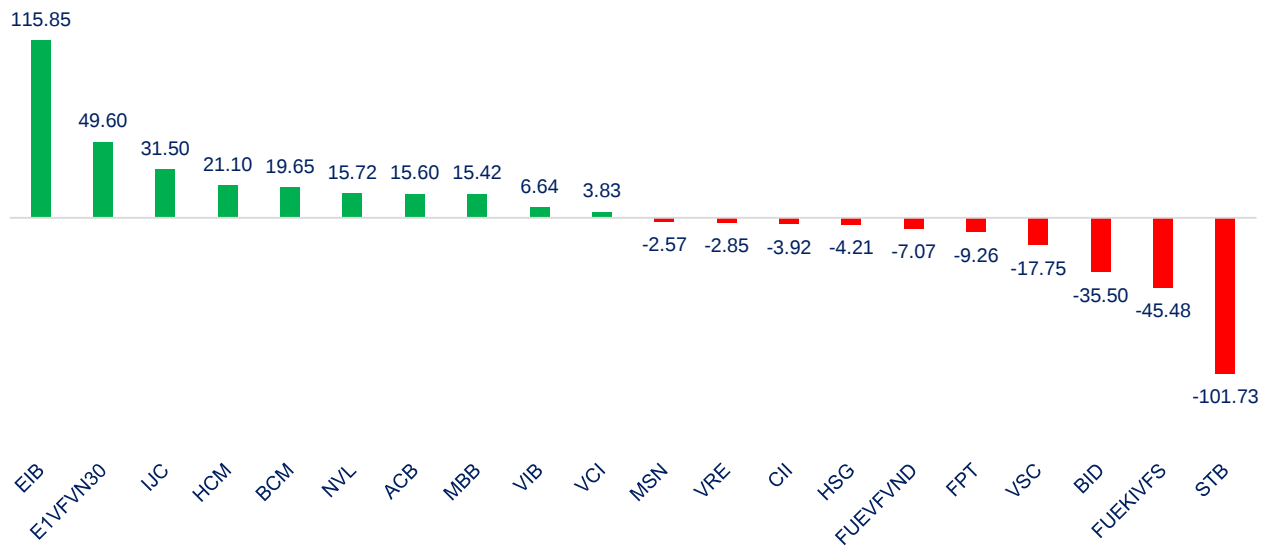


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn